



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1112* /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *23* tháng *11* năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Dự án Trang trại điện gió BT2 -  
Giai đoạn 2 (thuộc Cụm Trang trại điện gió B&T), tỷ lệ 1/500

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/ NĐ-CP ngày 07/4/2010;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2019 của Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án Điện gió;

Căn cứ Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Kiến Giang đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 3529/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng ven biển hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ -UBND ngày 03/3/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận Chủ trương đầu tư Dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 của Công ty cổ phần điện gió BT3 (thuộc Cụm Trang trại điện gió B&T);

Căn cứ Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 14/04/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết Dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 (thuộc Cụm Trang trại điện gió B&T), tỷ lệ 1/500;

Xét Tờ trình số 17/2021/BT3/TGD-TTr ngày 22/4/2021 của Công ty Cổ phần Điện gió BT3 kèm theo hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chi tiết Dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 (thuộc Cụm Trang trại điện gió B&T), tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 930/BC-SXD ngày 27/4/2021.

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 (thuộc Cụm Trang trại điện gió B&T), tỷ lệ 1/500, với những nội dung như sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chi tiết Dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 (thuộc Cụm Trang trại điện gió B&T), tỷ lệ 1/500.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích lập quy hoạch.

Khu vực lập quy hoạch chi tiết Dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 có vị trí thuộc địa phận 03 xã: Ngư Thủy Bắc, Cam Thủy, Hưng Thủy- huyện Lệ Thủy với tổng diện tích lập quy hoạch là 126.986,4m<sup>2</sup>, trong đó bao gồm:

- 10 điểm lắp đặt trụ tua bin điện gió gồm: 04 trụ tua bin đặt tại xã Ngư Thủy Bắc; 01 trụ tuabin đặt tại xã Cam Thủy và 05 trụ tuabin đặt tại xã Hưng Thủy, tổng diện tích các điểm tua bin là 21.090,3 m<sup>2</sup>.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường và cáp ngầm 33KV kết nối các vị trí tua bin, bao gồm cả mái ta luy bảo vệ đường và cống thoát nước) diện tích 105.896,1m<sup>2</sup>.

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch: Quy hoạch chi tiết Dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 (thuộc Cụm trang trại điện gió B&T) - tỷ lệ 1/500 đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; đảm bảo các tiêu chí hợp lý về sử dụng đất, kết nối hài hòa về không gian kiến trúc cảnh quan, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai dự án.

4. Quy hoạch sử dụng đất, định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Dự án trang trại điện gió có 02 hạng mục xây dựng cơ bản: Xây dựng 10 trụ tua bin điện gió có chiều cao 145m và cánh quạt dài khoảng 75m; hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông và cáp ngầm 33KV kết nối các vị trí tua bin, bao gồm cả mái ta luy bảo vệ đường và cống thoát nước).

- Quy hoạch sử dụng đất: Quy hoạch đất xây dựng công trình điện gió với tổng diện tích lập quy hoạch là 126.986,4 m<sup>2</sup>; ngoài ra có xác định phạm vi sử dụng đất tạm thời phục vụ quá trình thi công của Chủ đầu tư.

- Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng đất như sau:

TT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (M <sup>2</sup> )	TỶ LỆ (%)
A	Trụ tua bin (10 trụ)	21.090,3	16,61
1	WTG 51	2.182,9	
2	WTG 52	2.164,5	
3	WTG 53	2.175,1	
4	WTG 54	2.173,3	
5	WTG 55	1.881,2	
6	WTG 56	1.803,7	
7	WTG 57	1.899,3	
8	WTG 58	2.256,9	
9	WTG 59	2.481,3	
10	WTG 60	2.069,1	
B	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường và cáp ngầm 33KV kết nối các vị trí tua bin, bao gồm cả mái ta luy bảo vệ đường và công thoát nước)	105.896,1	83,39
C	Tổng cộng	126.986,4	100

### 5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

#### 5.1. San nền và thoát nước mưa:

- Cao độ san nền được thiết kế đảm bảo định hướng quy hoạch chung đô thị Kiên Giang đến năm 2035 đã được phê duyệt.

- Tổ chức san nền cục bộ khu vực xây dựng công trình điện gió, hệ thống tuyến đường giao thông tổ chức cơ bản theo cốt nền hiện trạng, cao độ nền đường khống chế từ khoảng +9.12m đến +25.9m.

- Thoát nước mưa: Bố trí các mương hở dọc theo các tuyến đường để thu gom nước mưa và xả ra các điểm có cao độ thấp dọc tuyến.

#### 5.2. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Đầu nối vào hệ thống giao thông của Dự án trang trại điện gió BT2- Giai đoạn 1 đã xây dựng.

- Giao thông nội bộ: Tổ chức hệ thống giao thông kết nối giữa 10 trụ tua bin gió; mặt đường rộng 4,5m đến 6m, hành lang hạ tầng kỹ thuật hai bên có chiều rộng thay đổi tùy theo địa hình, bề rộng hành lang hạ tầng kỹ thuật trung bình khoảng 1m đến 3m. Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông khoảng 8,8km.

#### 5.3. Cấp nước: Dự án không sử dụng nước.

5.4. Định hướng quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Khu vực lập quy hoạch không phát sinh rác thải và nước thải sinh hoạt.

**3.5. Quy hoạch hệ thống điện:**

Hệ thống đường dây nội bộ: Bố trí hệ thống cáp ngầm trong hành lang hạ tầng kỹ thuật dọc theo các tuyến đường giao thông để kết nối giữa các trụ tua bin gió.

**3.6. Quy hoạch thông tin - liên lạc:** Đầu nối với hệ thống thông tin liên lạc hiện có trong khu vực quy hoạch.

**Điều 2.** Giao Công ty Cổ phần Điện gió BT3 tổ chức công bố quy hoạch được duyệt để cán bộ, nhân dân trong khu vực được biết và thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Lệ Thủy; Chủ tịch UBND các xã: Ngư Thủy Bắc, Cam Thủy, Hưng Thủy; Giám đốc Công ty Cổ phần Điện gió BT3 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVXDCE.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH QUẢNG BÌNH  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 3101095412**

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 12 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 16 tháng 06 năm 2022

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIÓ BT3

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BT3 WINDFARM JOINT STOCK  
COMPANY

Tên công ty viết tắt: BT3

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

81 Phan Bội Châu, Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt  
Nam

Điện thoại: 0232 2478 800

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 343.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi ba tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 34.300.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN NAM THĂNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/10/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001068011589

Ngày cấp: 28/07/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về  
dân cư

Địa chỉ thường trú: Số B1002 Cao ốc Botanic, 312 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 05,  
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số B1002 Cao ốc Botanic, 312 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 05,  
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

  
Trần Chí Việt

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: 6507946143

Chứng nhận lần đầu: ngày 17 tháng 03 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;  
Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;  
Căn cứ Quyết định số 15/2016/QĐ-UB ngày 30/06/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình;  
Căn cứ Văn bản số 795/TTg-CN ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung danh mục các dự án điện gió vào quy hoạch phát triển điện lực;  
Căn cứ Văn bản số 1630/TTg-CN ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Dự án Cụm Trang trại điện gió B&T, tỉnh Quảng Bình và Dự án Nhà máy điện gió Nam Bình 1, tỉnh Đắk Nông;  
Căn cứ Thông báo số 73-TB/TU ngày 21/01/2021 của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư thực hiện dự án Trang trại điện gió BT2 – Giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Điện gió BT3;  
Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Điện gió BT3;  
Xét Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư ngày 17/12/2020 kèm theo Đề xuất thực hiện dự án Trang trại Điện gió BT2 – Giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Điện gió BT3;  
Văn bản số 246/2020/B&T/TGD-CV ngày 25/12/2020 về việc giải trình năng lực nhà đầu tư thực hiện Dự án Trang trại điện gió BT2 – Giai đoạn 2 thuộc Cụm Trang trại Điện gió B&T;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế Đối ngoại,

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Chứng nhận Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIÓ BT3**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101095412 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 16/12/2020; cấp thay đổi lần thứ nhất, ngày 22/01/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính: 81 Phan Bội Châu, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.  
Tel: 0232 2478800; Fax: 0232 2478181

- Người đại diện theo pháp luật: Ông NGUYỄN NAM THẮNG  
Chức danh: Tổng Giám đốc.  
Sinh ngày: 16/10/1968; Quốc tịch: Việt Nam;  
Căn cước công dân số: 001068011589;  
Cấp ngày: 28/7/2017; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B1002 Cao ốc Botanic, 312 Nguyễn Thượng Hiền, phường 05, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.  
Chỗ ở hiện tại: Số B1002 Cao ốc Botanic, 312 Nguyễn Thượng Hiền, phường 05, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với những nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: TRANG TRẠI ĐIỆN GIÓ BT2 – GIAI ĐOẠN 2
2. Mục tiêu dự án: Sản xuất điện bằng năng lượng điện gió; phân phối điện và các hoạt động liên quan đến sản xuất điện bằng năng lượng tái tạo.
3. Quy mô dự án:
  - a. Công suất thiết kế: 42 MW.
  - b. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất và bán điện cho Tập đoàn điện lực Việt Nam thông qua điểm đấu nối vào hệ thống truyền tải điện Quốc gia, cấp điện áp 220kV.
  - c. Công nghệ: Dự án sử dụng công nghệ của Tập đoàn Vestas (Đan Mạch) được sản xuất theo tiêu chuẩn IEC 61400 của Ủy ban Kỹ thuật Điện quốc tế IEC.
  - d. Quy mô các hạng mục:
    - Hệ thống tua bin điện gió: 10 trụ tua bin điện gió đặt tại các xã Ngư Thủy Bắc, Cam Thủy và Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy.
    - Hệ thống giao thông phục vụ thi công kết hợp quản lý vận hành và Hệ thống điện liên kết các tua bin điện gió dài khoảng 09km.
    - Sân kỹ thuật phục vụ thi công, bảo trì và các hạng mục khác.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Tại các xã Ngư Thủy Bắc, Cam Thủy và Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.
5. Diện tích xây dựng:
  - Diện tích sử dụng đất có thời hạn (theo thời gian thuê đất): 14.48ha;
  - Diện tích sử dụng đất tạm thời để phục vụ thi công dự án: 6,5ha.
  - Diện tích đất hành lang an toàn công trình điện gió: 152ha.
  - Hiện trạng sử dụng đất: Đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, đất rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp và đất sản xuất nông nghiệp.
6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.267.812 tỷ đồng (Bằng chữ: Một ngàn hai trăm sáu mươi bảy tỷ, tám trăm mười hai triệu đồng), tương đương 54.600.000 USD. Trong đó:
  - Vốn tự có của nhà đầu tư: 253.562 tỷ đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu đồng), tương đương 10.920.000 USD, chiếm

20% tổng mức đầu tư. Tiến độ góp vốn: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất.

- **Vốn huy động:** 1.014,250 tỷ đồng (*Bằng chữ: Một ngàn, không trăm mười bốn tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng*), tương đương 43.680.000 USD, chiếm 80% tổng mức đầu tư.
- 7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày ký Quyết định Chủ trương đầu tư.
- 8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:
  - Hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư: Quý I/2021;
  - Xây dựng các hạng mục công trình và mua sắm, lắp đặt thiết bị: Quý II/2021 - Quý III/2021;
  - Đưa dự án vào hoạt động: Quý IV/2021.

## **Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:**

- Dự án đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của Chính phủ và của tỉnh Quảng Bình.
- Nhà đầu tư thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

## **Điều 3. Các quy định đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án:**

1. Sau khi được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:
  - Phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật;
  - Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
  - Triển khai thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, quy hoạch, điện lực, lâm nghiệp, tài nguyên môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động,... và các quy định pháp luật có liên quan khác;
  - Đảm bảo góp vốn và huy động vốn đầu tư đầy đủ, đúng tiến độ để thực hiện Dự án như đã cam kết; chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư dự án;
  - Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng quy định tại Điều 21 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;
  - Sau khi dự án đi vào vận hành hoạt động, Nhà đầu tư phải phục hồi nguyên trạng diện tích sử dụng đất tạm thời và bàn giao cho cấp có thẩm quyền để sử dụng cho các mục đích khác theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 13, Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2019 của Bộ Công thương;
  - Đáp ứng và duy trì việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trong suốt thời gian hoạt động của Dự án.

*Nguyễn*

*Đ*

2. Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 71, Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 70, Luật Đầu tư. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Trường hợp Nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam;
3. Về vị trí đặt trụ tua bin điện gió, hướng tuyến đường dây và quy hoạch chi tiết dự án: Trong quá trình lập Quy hoạch chi tiết Dự án phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch Điện lực và các quy hoạch khác có liên quan; phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các bên có liên quan rà soát, bố trí các trụ tua bin điện gió và hệ thống lưới điện đảm bảo khoảng cách đến khu dân cư, đường giao thông, các công trình thiết yếu và các dự án của nhà đầu tư khác đã được cấp chủ trương đầu tư phù hợp với quy định tại Thông tư 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2019 của Bộ Công thương, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
4. Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan khi nhà đầu tư không thực hiện đúng cam kết và các quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được lập thành 02 bản gốc; Công ty Cổ phần Điện gió BT3 được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình. / *viết*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (B/c);
- BCHQS Tỉnh; Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, Xây dựng; Công thương; Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Lệ Thủy;
- UBND xã: Hưng Thủy; Cam Thủy; Ngư Thủy Bắc;
- Lưu: VT, ĐN, KD.



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Hồng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **1776** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày **16** tháng **6** năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần điện gió BT3, họp ngày 14 tháng 5 năm 2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 36/2021/BT3/TGD-CV ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Công ty Cổ phần điện gió BT3;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 306/TTr-STNMT ngày 09 tháng 6 năm 2021.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần điện gió BT3 (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Lê Thủy và các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về kết quả kiểm tra, giám sát.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Lê Thủy; Chủ tịch UBND các xã: Ngư Thủy Bắc, Cam Thủy, Hưng Thủy; Giám đốc Công ty Cổ phần điện gió BT3 và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đoàn Ngọc Lâm**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN: TRANG TRẠI ĐIỆN GIÓ BT2 - GIAI ĐOẠN 2**  
(kèm theo Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021  
của UBND tỉnh Quảng Bình)

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần điện gió BT3.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Nam Thắng Chức vụ: Tổng giám đốc
- Địa chỉ: 81 Phan Bội Châu, Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Điện thoại: 0941899777
- Địa điểm thực hiện dự án: Các xã: Ngư Thủy Bắc, Cam Thủy, Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Quy mô: dự án có công suất 42MW, với 10 tua bin, mỗi tua bin công suất 4,2MW.
- Diện tích đất của dự án: đất sử dụng có thời hạn là 126.986,4m<sup>2</sup>, đất sử dụng tạm thời phục vụ thi công là 65.000m<sup>2</sup>, đất hành lang an toàn điện gió là 1.520.000m<sup>2</sup>.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

**2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

Bụi, khí thải do hoạt động thi công xây dựng, tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại,... phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

**2.2. Quy mô, tính chất của nước thải**

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân lao động của dự án với tổng khối lượng khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thông số đặc trưng ô nhiễm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD<sub>5</sub>, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Amoni, dầu mỡ, coliforms...

- Nước thải xây dựng: Phát sinh chủ yếu từ các hoạt động vệ sinh thiết bị thi công, bảo dưỡng công trình, nước trộn vữa, bê tông... Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải chủ yếu là chất rắn lơ lửng, xi măng, đất, cát...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua bề mặt khu vực có khả năng cuốn theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát...

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp đất, tập kết nguyên vật liệu thi công, hoạt động thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, bụi do đất cát bám vào bánh xe từ khu vực thi công ra các tuyến đường; từ hoạt động của các động cơ sử dụng nhiên liệu hoá thạch... Thông số đặc trưng ô nhiễm: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 9 kg/ngày/khu lán trại. Thành phần chính trong chất thải: Giấy loại, vỏ bao bì, chai lọ...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng như cát, đá, xi măng, bê tông rơi vãi, sắt thép dư thừa...

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại có khả năng phát sinh từ dự án chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu mỡ, vỏ bao dính chất thải nguy hại, dầu thải,... khoảng 3 - 5kg/tháng;

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh lưu động đặt tại khu vực lán trại ở vị trí thi công của mỗi tuabin. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước thải xây dựng: Lót đáy các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất, gây ô nhiễm khu vực Dự án; Bố trí thùng phi tại công trường thi công để rửa, vệ sinh dụng cụ, nước đã sử dụng được tận dụng lại cho việc bảo dưỡng công trình; Quản lý và sử dụng tiết kiệm nguồn nước, không để nước chảy tràn tự do trong khu vực xây dựng.

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Bố trí mương thoát nước tạm bao quanh khu vực thi công móng trụ tuabin (bề rộng mương 0,6m, sâu 0,4m) để hạn chế nước mưa chảy tràn chảy vào hố móng gây bồi lấp hố móng;

+ Hạn chế thi công liên quan đến đào đắp vào các ngày có mưa;

+ Các điểm tập kết vật liệu, nhà xe, nhà chứa thiết bị thi công được che chắn cẩn thận;

+ Bố trí công nhân thu gom rác thải trên bề mặt khu vực thi công sau mỗi ngày làm việc.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm

2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

### 3.2. Về thu gom và xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

- Quá trình phát quang thực vật được thực hiện cuốn chiếu theo từng khu vực (thi công khu vực nào mới tiến hành chặt bỏ thảm thực vật, giải phóng mặt bằng ở khu vực đó), chỉ phát quang tại những khu vực xây dựng, không phát quang các khu vực thuộc hành lang an toàn điện gió.

- Trong quá trình san lấp đất cát từ quá trình đào móng tuabin, đường nội bộ sang các vị trí địa hình trũng thấp xung quanh, lu lèn đất cát ngay sau khi đổ, để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, sử dụng các máy móc thi công hiện đại, hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao nhằm hạn chế phát tán bụi và khí thải.

- Tiến hành phun ẩm 2-4 lần tùy điều kiện thời tiết, nhất là khi thời tiết khô, nóng, nhiều gió, trên tuyến đường tránh lũ đoạn đi qua khu vực dự án.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân tham gia thi công trên công trường như kính bảo vệ mắt, găng tay, áo quần bảo hộ lao động, dây bảo hiểm khi làm việc trên cao,...

- Yêu cầu phương tiện vận chuyển chạy đúng tốc độ, chở đúng trọng tải theo quy định, không chở nguyên vật liệu vượt quá thùng xe, sử dụng bạt che phủ kín thùng xe.

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị thi công được tiến hành đăng kiểm định kỳ tại các trạm đăng kiểm và được chứng nhận, đảm bảo các tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn và đảm bảo an toàn.

- Bố trí lịch làm việc của các phương tiện, máy móc và thiết bị thi công tại những đoạn tuyến hợp lý, không vận chuyển tập trung để hạn chế lượng bụi, khí thải phát sinh lớn gây ô nhiễm cục bộ.

- Lựa chọn các điểm cung cấp nguyên, vật liệu gần nhất để hạn chế chiều dài cung đường vận chuyển.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm môi trường không khí khu vực dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường**

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng đựng rác loại 50 lít tại khu vực lán trại để thu gom rác thải. Định kỳ hàng ngày chuyển giao toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt của Dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải xây dựng: Đối với các dạng sắt thép loại, vỏ bao xi măng,... loại thải, thu gom và bán cho các đơn vị thu mua tái chế; Các loại chất thải rắn xây dựng không tận dụng được phải thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại**

- Không tổ chức thay dầu, sửa chữa xe, máy tại công trường mà thực hiện tại các cơ sở sửa xe, gara chuyên dụng đã đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Thu gom, lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh vào 02 thùng chứa chuyên dụng (01 thùng loại 200 lít và 1 thùng 50 lít), có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại, đảm bảo không rò rỉ, không bay hơi, không rơi vãi, không phát tán ra môi trường; định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, giám sát, quản lý đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường

#### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt
- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

#### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

##### 5.1. Giám sát trong giai đoạn xây dựng

##### 5.1.1. Giám sát chất lượng không khí

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn.
- Vị trí giám sát:
  - + Trên tuyến đường tránh QL1A, cách tuabin gió số 58 khoảng 250m về phía Nam;
  - + Trên tuyến đường đi ra xã Ngư Thủy Bắc, cách tuabin gió số 60 khoảng 200m về phía Đông.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần trong thời gian thi công, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

##### 5.1.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Thông số giám sát: pH, oxy hòa tan, chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, amoni, sắt, mangan, coliform.
- Vị trí giám sát:
  - + Nước mặt khe nước cách tuabin gió số 51 khoảng 100m về phía Tây;
  - + Nước mặt khe nước cách tuabin gió số 52 khoảng 50m về phía Tây.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần trong quá trình thi công, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

##### 5.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

## **5.2. Giám sát trong giai đoạn hoạt động**

### **5.2.1. Giám sát chất lượng không khí**

- Thông số giám sát: tiếng ồn.

- Vị trí giám sát:

+ Trên tuyến đường đi ra xã Ngư Thủy Bắc, cách tuabin gió số 60 khoảng 200m về phía Đông;

+ Tại khu dân cư gần nhất thôn Trung Thành, cách tuabin gió số 53 khoảng 415m về phía Đông Bắc.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

### **5.2.2. Giám sát chất lượng nước mặt**

- Thông số giám sát: pH, oxy hòa tan, chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, amoni, sắt, mangan, coliform.

- Vị trí giám sát:

+ Nước mặt khe nước cách tuabin gió số 51 khoảng 100m về phía Tây;

+ Nước mặt khe nước cách tuabin gió số 52 khoảng 50m về phía Tây.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

### **5.2.3. Giám sát điện từ trường**

- Thông số giám sát: Điện trường, Từ trường

- Vị trí giám sát:

+ Trên tuyến đường đi ra xã Ngư Thủy Bắc, cách tuabin gió số 60 khoảng 200m về phía Đông;

+ Tại khu dân cư gần nhất thôn Trung Thành, cách tuabin gió số 53 khoảng 415m về phía Đông Bắc.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 25:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.

5.2.4. *Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

6.2. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, chính quyền địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án.

6.4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

6.5. Lập, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng cứu sự cố trong quá trình thực hiện dự án và bảo đảm ứng phó kịp thời các sự cố xảy ra; tuân thủ các quy định về an toàn trong quá trình thực hiện dự án.

6.6. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác tại khu vực thực hiện dự án.

6.7. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp cải thiện môi trường lao động, trang bị và sử dụng bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc.

6.8. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa và giám sát, theo dõi liên tục các hiện tượng mất an toàn, bồi lắng, xói lở, sạt trượt tại khu vực dự án và lân cận trong quá trình thực hiện dự án; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, phải dừng ngay các hoạt động của dự án, khẩn trương đưa người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án; giám sát chặt chẽ các nhà thầu thi công, đảm bảo thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

6.10. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.11. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ đề cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường./

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 686 /QB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 05 tháng 3 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

V/v chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Trang trại Điện gió BT2 - Giai đoạn 2  
của Công ty Cổ phần Điện gió BT3  
(Thuộc Cụm Trang trại Điện gió B&T)

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật  
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013 và các văn bản quy phạm pháp luật  
hướng dẫn Luật;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và các văn bản quy phạm pháp luật  
hướng dẫn Luật;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017 và các văn bản quy phạm pháp luật  
hướng dẫn Luật;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy  
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ  
sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2019 của Bộ Công Thương  
Quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các  
dự án điện gió;

Căn cứ Công văn số 795/TTg-CN ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về  
việc bổ sung danh mục các dự án điện gió vào quy hoạch phát triển điện lực;

Căn cứ Công văn số 1630/TTg-CN ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ  
về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Dự án Cụm Trang trại điện gió B&T, tỉnh  
Quảng Bình và Dự án Nhà máy điện gió Nam Bình 1, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Thông báo số 73-TB/TU ngày 21/01/2021 của Thường trực Tỉnh ủy về  
chủ trương đầu tư thực hiện dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 của Công ty  
Cổ phần Điện gió BT3;

Căn cứ ý kiến của Bộ Tư lệnh Quân khu 4 tại Công văn số 232/BTL-TM ngày  
27/01/2021; Bộ Ngoại giao tại Công văn số 363/BNG-UBBG ngày 02/02/2021; Bộ  
Công an tại Công văn số 604/BCA-ANKT ngày 02/03/2021;

Căn cứ ý kiến của các sở, ngành, địa phương liên quan: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh  
tại Công văn số 6576/BCH-TM ngày 24/12/2020; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

tại Công văn số 3148/BCH-TM ngày 24/12/2020; Công an tỉnh tại Công văn số 7193/CAT-PA04 ngày 25/12/2020; Sở Công Thương tại Công văn số 1592/SCT-KTNL ngày 24/12/2020; Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 602/SKH-CN-QLCN ngày 24/12/2020; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2664/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/12/2020; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 29/SNN-KHTC ngày 08/01/2021; Sở Giao thông Vận tải tại Công văn số 3779/SGTVT-KCHT ngày 23/12/2020; Sở Xây dựng tại Công văn số 47/SXD-QHKT ngày 07/01/2021; Sở Tài chính tại Công văn số 4629/STC-ĐT ngày 29/12/2020; UBND huyện Lệ Thủy tại Công văn số 40/UBND-KT&HT ngày 08/01/2021; UBND xã Ngư Thủy Bắc tại Công văn số 59/CV-UBND ngày 22/12/2020; UBND xã Cam Thủy tại Công văn số 81/UBND-ĐC ngày 24/12/2020; UBND xã Hưng Thủy tại Công văn số 26/CV-UBND ngày 25/12/2020; Ban Quản Lý Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu Khe nước Trong tại Công văn số 50/CV-ĐCKNT ngày 23/12/2020; Cục Thuế tỉnh tại Công văn số 3466/CT-NVDT ngày 23/12/2020; Đại diện Cảng vụ hàng không tại Đồng Hới tại Công văn số 197/CVMB-ĐHO ngày 23/12/2020;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư ngày 17/12/2020 kèm theo Đề xuất thực hiện dự án Trang trại Điện gió BT2 - Giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Điện gió BT3; Văn bản số 246/2020/B&T/TGD-CV ngày 25/12/2020 về việc giải trình năng lực nhà đầu tư thực hiện Dự án Trang trại điện gió BT2 - Giai đoạn 2 thuộc Cụm Trang trại Điện gió B&T;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định sơ bộ số 97/KHĐT-ĐN ngày 19/01/2021, Báo cáo thẩm định (lần 2) ngày 25/01/2021 và Báo cáo thẩm định bổ sung số 434/KHĐT-ĐN ngày 03/3/2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIÓ BT3

- Mã số doanh nghiệp: 3101095412 đăng ký lần đầu ngày 16/12/2020; thay đổi lần thứ nhất ngày 22/01/2021 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp;

- Địa chỉ trụ sở chính: 81 Phan Bội Châu, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;

- Người đại diện theo pháp luật: NGUYỄN NAM THẮNG; Sinh ngày 16/10/1968; Căn cước công dân số: 001068011589 cấp ngày 28/7/2017; Địa chỉ thường trú: Số B1002 Cao ốc Botanic, 312 Nguyễn Thượng Hiền, phường 05, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; Chức vụ: Tổng Giám đốc;

- Vốn điều lệ: 260 tỷ đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tỷ đồng).

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chi tiết: Sản xuất điện bằng năng lượng gió và kinh doanh điện năng).

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: TRANG TRẠI ĐIỆN GIÓ BT2 - GIAI ĐOẠN 2.

2. Mục tiêu đầu tư: Sản xuất điện bằng năng lượng điện gió; phân phối điện và các hoạt động liên quan đến sản xuất điện bằng năng lượng tái tạo.

3. Quy mô đầu tư:

a. Công suất thiết kế: 42 MW.  
b. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất và bán điện cho Tập đoàn điện lực Việt Nam thông qua điểm đấu nối vào hệ thống truyền tải điện Quốc gia, cấp điện áp 220kV.

c. Công nghệ: Dự án sử dụng công nghệ của Tập đoàn Vestas (Đan Mạch) được sản xuất theo tiêu chuẩn IEC 61400 của Ủy ban Kỹ thuật Điện quốc tế IEC.

d. Quy mô các hạng mục:

- Hệ thống tua bin điện gió: 10 trụ tua bin điện gió đặt tại các xã Ngự Thủy Bắc, Cam Thủy và Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy.
- Hệ thống giao thông phục vụ thi công kết hợp quản lý vận hành và Hệ thống điện liên kết các tua bin điện gió dài khoảng 09Km.
- Sân kỹ thuật phục vụ thi công, bảo trì và các hạng mục khác.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Tại các xã Ngự Thủy Bắc, Cam Thủy và Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

5. Diện tích sử dụng đất:

- Diện tích sử dụng đất có thời hạn (theo thời gian thuê đất): 14,48ha.
- Diện tích sử dụng đất tạm thời để phục vụ thi công dự án: 6,5ha.
- Diện tích đất hành lang an toàn công trình điện gió: 152ha.
- Hiện trạng sử dụng đất: Đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, đất rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp, đất sản xuất nông nghiệp.

6. Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án:

- Diện tích đất rừng sử dụng có thời hạn của dự án khoảng 14,48ha. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Nghị định 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ.

7. Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn:

- Tổng vốn đầu tư: 1.267,812 tỷ đồng (Một ngàn hai trăm sáu mươi bảy tỷ tám trăm mười hai triệu đồng).
- Nguồn vốn đầu tư:
  - + Vốn tự có của nhà đầu tư: 253,562 tỷ đồng (chiếm 20% tổng mức đầu tư);
  - + Vốn huy động: 1.014,249 tỷ đồng (chiếm 80% tổng mức đầu tư).

8. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày ký Quyết định chủ trương đầu tư.

9. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư: Quý I/2021;
- Xây dựng các hạng mục công trình và mua sắm, lắp đặt thiết bị: Quý II/2021 - Quý III/2021;

- Đưa dự án vào hoạt động: Quý IV/2021.

**Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:**

Dự án đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác theo quy định hiện hành của Chính phủ và của tỉnh.

**Điều 3. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án:**

**1. Về vị trí đặt trụ tua bin điện gió, hướng tuyến đường dây và quy hoạch chi tiết dự án**

Tại bước lập Quy hoạch chi tiết dự án, Nhà đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan rà soát, bố trí các trụ tua bin điện gió và hệ thống lưới điện đảm bảo phù hợp với quy hoạch, hiện trạng sử dụng đất và phù hợp với các quy định tại Thông tư 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2019 của Bộ Công Thương; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**2. Về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác**

- Nhà đầu tư phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện hồ sơ, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Nghị định 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ tại kỳ họp HĐND tỉnh gần nhất;

- Có trách nhiệm thực hiện trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng quy định tại Điều 21 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017.

**3. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của dự án**

Nhà đầu tư đăng ký nhu cầu sử dụng đất qua UBND huyện Lệ Thủy để trình bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Lệ Thủy; Nhà đầu tư chỉ được chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất sau khi dự án được bổ sung vào phương án quy hoạch sử dụng đất của tỉnh và của huyện Lệ Thủy theo đúng quy định.

**4. Về các nội dung khác**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác các thông tin, số liệu, nội dung hồ sơ Dự án.

- Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư.

- Phối hợp với các sở, ngành và địa phương để thực hiện phương án trồng rừng thay thế và chuyển mục đích sử dụng đất rừng trồng theo đúng quy định.

- Trong quá trình thực hiện dự án phải bảo đảm tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, quy hoạch, điện lực, lâm nghiệp, tài nguyên môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động,... và các quy định pháp luật có liên quan khác; bảo đảm thực hiện góp đủ vốn chủ sở hữu và vốn huy động theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện dự án đúng theo tiến độ đã cam kết; chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư dự án.

2

15

- Khi triển khai thực hiện dự án, công trình được cấp phép, Chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, UBND cấp huyện, xã sở tại trước 03 ngày làm việc theo quy định tại Khoản 3, Điều 11, Nghị định 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ.

- Đảm bảo điều kiện khởi công và thi công công trình dự án điện gió theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 7, Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2020 của Bộ Công Thương.

- Sau khi dự án đi vào vận hành hoạt động, Nhà đầu tư phải phục hồi nguyên trạng diện tích sử dụng đất tạm thời và bàn giao cho cấp có thẩm quyền để sử dụng cho các mục đích khác theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 13, Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2020 của Bộ Công Thương.

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 70 của Luật Đầu tư. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp Nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư và các Công văn hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

#### Điều 4. Tổ chức thực hiện:

- Quyết định chủ trương đầu tư là thủ tục ban đầu để Nhà đầu tư có cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo nhằm đảm bảo các điều kiện pháp lý triển khai đầu tư Dự án. Trong quá trình thực hiện các thủ tục này, Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến Dự án.

- Các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp, hướng dẫn và yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và chủ trương đầu tư Dự án; trường hợp có phát sinh các vướng mắc về pháp lý thì kịp thời kiến nghị UBND tỉnh xử lý theo quy định.

- Quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư nếu phát hiện có đất, tài sản trên đất là tài sản công, đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, di tích lịch sử, văn hóa, đất/công trình an ninh quốc phòng hoặc đất/tài sản trên đất khác được quản lý đặc thù thì các cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm tham mưu xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành trước khi thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê thực hiện Dự án.

#### Điều 5. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư:

- Quyết định chủ trương đầu tư sẽ chấm dứt hiệu lực sau 12 tháng nếu Nhà đầu tư không triển khai thực hiện dự án hoặc không có khả năng triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ đăng ký với cơ quan đầu tư theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 48 Luật Đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn hoãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư.

Quyết định chủ trương đầu tư hết hiệu lực trong trường hợp Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 1, Điều 48 Luật Đầu tư.

Điều 6. Quyết định này được lập thành 03 bản. Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, 01 bản được lưu tại UBND tỉnh./

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Công Thương;
- Cục Điện lực và NLTT - BCT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: TN&MT, XD, CT, NN&PTNT, GTVT, BCHQS tỉnh, Công an tỉnh;
- UBND huyện Lệ Thủy;
- UBND các xã: Cam Thủy, Ngư Thủy Bắc, Hưng Thủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

Trần Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH  
Số: 4294/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 10 tháng 5 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

V/v chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Trang trại Điện gió BT2 - giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Điện gió BT3.

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Trang trại Điện gió BT2 - Giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Điện gió BT3;

Căn cứ Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 07/05/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Lệ Thủy;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 huyện Lệ Thủy để thực hiện dự án Trang trại Điện gió BT2 - giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Điện gió BT3;

Xét đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Tờ trình số 19/2021/BT3/TGD-TTr ngày 28/4/2021 của Công ty cổ phần Điện gió BT3 (kèm theo Thông báo số 14/TB-QBVR ngày 28/4/2021 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 951/TTTr-SNN ngày 10/5/2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chuyển mục đích sử dụng rừng trồng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Trang trại Điện gió BT 2 - giai đoạn 2 của Công ty cổ phần Điện gió BT3 với những nội dung sau:

**1. Vị trí khu rừng:**

Tại Khoản 3 - Tiểu khu 395B xã Cam Thủy; Khoản 4 - Tiểu khu 395C, Khoản 4 - Tiểu khu 398C xã Hưng Thủy; Khoản 1 - Tiểu khu 395A, Khoản 4 - Tiểu khu 396A và các Khoản 1, 2 - Tiểu khu 398 xã Ngư Thủy Bắc; huyện Lệ Thủy (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 và bản đồ hiện trạng rừng kèm theo hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Dự án).

**2. Diện tích, đối tượng và loại rừng:**

- Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng: 107.813,0 m<sup>2</sup>.
- Đối tượng rừng:
  - + Rừng trồng thuộc quy hoạch phòng hộ: 30.013,0 m<sup>2</sup>;
  - + Rừng trồng thuộc quy hoạch sản xuất: 56.840,0 m<sup>2</sup>;
  - + Rừng trồng ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 20.960,0 m<sup>2</sup>.
- Loại rừng: Rừng trồng các loài cây Keo, Phi lao.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

**3. Chủ quản lý rừng:** Ban quản lý Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong, tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** Chủ quản lý rừng có tên tại Điều 1 có trách nhiệm khai thác tận dụng gỗ trên diện tích chuyển đổi theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lệ Thủy; Giám đốc Công ty cổ phần Điện gió BT3; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

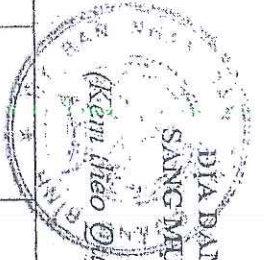
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, CVNN.



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục:



ĐIỀU DẶN, DIỆN TÍCH VÀ LOẠI RỪNG ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG  
SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN TRANG TRẠI ĐIỆN GIÓ BT2 - GIAI ĐOẠN 2  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIÓ BT3  
(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Huyện	Xã	Địa danh			Tổng diện tích rừng chuyên đôi (m <sup>2</sup> )	Diện tích phân theo Quy hoạch 3 loại rừng (m <sup>2</sup> )			Diện tích phân theo loại rừng (m <sup>2</sup> )		
		Tiểu khu	Khu vực	Lô		Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Ngoại quy hoạch lâm nghiệp	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
Lệ Thủy	3 xã	5 TK	6 KH	34 16	107.813	30.013	56.840	20.960	-	107.813	
				1 TK	1 KH	4 16	15.687	-	10.420	5.267	-
		395B	3	1 KH	4 16	15.687	-	10.420	5.267	-	15.687
				1	4 16	15.687	-	10.420	5.267	-	15.687
				4	4 16	15.687	-	10.420	5.267	-	15.687
	Cam Thủy	395B	3	1	1.206	-	-	1.206	-	1.206	
				4	7.441	-	7.441	-	-	7.441	
				5	2.650	-	2.650	-	-	2.650	
				7	4.390	-	329	4.061	-	4.390	
				2 TK	2 KH	10 16	50.495	-	41.107	9.388	-
Hưng Thủy	395C	4	1 KH	4 16	12.822	-	3.434	9.388	-	12.822	
				4 16	12.822	-	3.434	9.388	-	12.822	
			2	1	3.021	-	-	3.021	-	-	3.021
				2	1.045	-	1.045	-	-	-	1.045
				5	6.974	-	2.389	4.585	-	6.974	
			4	1.782	-	-	1.782	-	-	1.782	

Huyện	Xã	Địa danh			Tổng diện tích rừng chuyên đổi (m <sup>2</sup> )	Diện tích phân theo Quy hoạch 3 loại rừng (m <sup>2</sup> )			Diện tích phân theo loại rừng (m <sup>2</sup> )		
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô		Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Ngoài quy hoạch lâm nghiệp	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
Lệ Thủy	Hưng Thủy	398C	1 Kh	6 lô	37.673	-	37.673	-	-	37.673	
				6 lô	37.673	-	37.673	-	-	37.673	
				1	9.877	-	9.877	-	-	9.877	
				4	6.665	-	6.665	-	-	6.665	
				6	7.118	-	7.118	-	-	7.118	
				8	936	-	936	-	-	936	
				10	11.375	-	11.375	-	-	11.375	
				13	1.702	-	1.702	-	-	1.702	
				20 lô	41.631	30.013	5.313	6.305	-	-	41.631
				4 lô	5.683	-	1.632	4.051	-	-	5.683
				4 lô	5.683	-	1.632	4.051	-	-	5.683
				1	555	-	-	555	-	-	555
				2	311	-	-	311	-	-	311
Ngư Thủy Bắc	398	1	3	3.745	-	560	3.185	-	3.745		
			4	1.072	-	1.072	-	-	1.072		
			16 lô	35.948	30.013	3.681	2.254	-	-	35.948	
			7 lô	20.749	14.814	3.681	2.254	-	-	20.749	
			1	1.901	-	1.901	-	-	1.901		

Huyện	Xã	Thị trấn	Khu vực	Địa danh		Lô	Tổng diện tích rừng chuyển đổi (m <sup>2</sup> )	Diện tích phân theo Quy hoạch 3 loại rừng (m <sup>2</sup> )				Diện tích phân theo loại rừng (m <sup>2</sup> )	
				Khoảnh				Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Ngoại quy hoạch lâm nghiệp	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
Lộ Thủy	Ngư Thủy Bắc	398	1	2	3	1.780	-	1.780	-	-	-	1.780	-
					4	2.482	228	-	2.254	-	2.482	-	
					6	7.636	7.636	-	-	-	7.636	-	
					7	1.298	1.298	-	-	-	1.298	-	
					9	1.565	1.565	-	-	-	1.565	-	
					10	4.087	4.087	-	-	-	4.087	-	
					916	15.199	15.199	-	-	-	15.199	-	
					1	1.383	1.383	-	-	-	1.383	-	
					2	625	625	-	-	-	625	-	
					3	588	588	-	-	-	588	-	
					5	557	557	-	-	-	557	-	
					7	6.421	6.421	-	-	-	6.421	-	
					8	631	631	-	-	-	631	-	
					10	1.413	1.413	-	-	-	1.413	-	
12	593	593	-	-	-	593	-						
14	2.988	2.988	-	-	-	2.988	-						